TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KON PLÔNG** **TỈNH KON TUM**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2018/HS - ST
Ngày: 19/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KON PLÔNG TỈNH KON TUM

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Hải
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông A Hoàn
2. Ông Lê Xuân Niên

Thư ký phiên tòa: Ông Hà Văn Kiên - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum.

Đại diện VKSND huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum tham gia phiên tòa: Ông Vũ Kiên Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kon Plông tỉnh Kon Tum xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 05/2018/TLST – HS ngày 10 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số: 05/2018/QĐXXST – HS ngày 06 tháng 6 năm 2018 đối với bị báo A T; sinh năm 1995 tại huyện K, tỉnh Kon Tum, nơi Đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum, chỗ ở hiện nay: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Mơ Nâm; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam, con ông A D và Y M, cùng trú tại: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum; bị cáo có vợ là Y H, có 01 con sinh năm 2016 cùng trú tại: Thôn Kon B, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum.

Tiền án, tiền sự: Không, bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06 tháng 3 năm 2018 đến nay (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- Người bị hại:

+ Lê Viết T; sinh năm 1990; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Kon Tum (Vắng mặt tại phiên tòa)

- Người đại diện hợp pháp của người bị hại:

+ Lê Thị D; sinh năm 1962; nơi cư trú: Thôn V, xã H, huyện K, tỉnh Kon Tum (Có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ A M; sinh năm 1996; nơi cư trú: Thôn K, xã Đ, huyện K, tỉnh Kon Tum (Có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 7 giờ ngày 28/02/2018 A T điều khiển xe mô tô từ nhà đi làm, khi đi đến thôn ViGlơng, xã Hiếu, huyện Kon Plông thì xe mô tô hết xăng. A T vào quán tạp hóa của anh Lê Viết T trên đường Trường Sơn Đông thuộc địa phận thôn V, xã H để đổ xăng. Khi vào quán tạp hóa không thấy ai ở nhà, A T đi ra cửa sau của phòng khách để gọi người đổ xăng thì cũng không thấy ai, lúc này A T lại quay ra phòng đầu tiên của quán tạp hóa, quan sát xung quanh A T thấy 01 chiếc điện thoại di động hiệu Sam Sung Galaxy A5 đang sạc pin dự phòng để trên chiếc kệ để chén bát, lúc này A T nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại. A T đi đến tháo chiếc điện thoại ra khỏi cục pin dự phòng và đi ra bỏ vào cốp xe mô tô do A T đang điều khiển. Sau đó A T đi làm bình thường, A T sử dụng chiếc điện thoại lấy được của Lê Viết T được 03 ngày sau đó mang đổi chiếc điện thoại cho A M; sinh năm 1996 trú tại: Thôn Kon Brẫy, xã Đăk Long, huyện Kon Plông, tỉnh Kon Tum là em rể của A T lấy chiếc điện thoại của A M để dùng, lúc đổi điện thoại A T không nói A M biết chiếc điện thoại đó do A T trộm cắp mà có. Sau khi phát hiện mất điện thoại, ngày 06/3/2018 Lê Viết T nhờ mẹ đẻ là bà Lê Thị D đến Công an huyện Kon Plông trình báo sự việc. Cùng ngày, nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên A T đã đến Công an huyện Kon Plông đầu thú và khai nhận hành vi trộm cắp của mình. A M sau khi biết được chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A5 mà mình đổi cho A T là chiếc điện thoại mà A T trộm cắp mà có nên đã đến giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông.

Ngày 07/03/2018 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông ra yêu cầu định giá số 08 chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A5 mà A T đã chiếm đoạt được.

Tại bản kết luận định giá tài sản số: 04/KL - HĐĐG ngày 09 tháng 03 năm 2018 kết luận chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A5 có giá trị 3.995.000 đồng (Ba triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng).

Tại bản cáo trạng số: 04/CT - VKS ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông truy tố bị can A T về tội "Trộm cắp tài sản" theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo A T 106 (Một trăm lẻ sáu) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/03/2018. Áp dụng khoản 5

Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo đang bị tạm giam, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên không đề cập.

Về vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã xác định và trả cho chủ sở hữu hợp pháp nên không đề cập.

Bị cáo A T trình bày: Khoảng 7 giờ 00, ngày 28/02/2018 bị cáo từ nhà đi làm, trên đường đi thì xe của bị cáo hết xăng nên bị cáo đã vào quán tạp hóa của anh Tuấn để đổ xăng, khi vào nhà thì không có ai, bị cáo đi qua đi lại thì phát hiện 01 chiếc điện thoại Sam Sung Galaxy A5 đang sạc pin để trên kệ để chén bát, nên bị cáo đã nảy sinh ý định chiếm đoạt chiếc điện thoại, bị cáo rút chiếc điện thoại ra khỏi pin sạc dự phòng và bỏ vào cốp xe mô tô bị cáo đang điều khiển, bị cáo sử dụng chiếc điện thoại được 03 ngày thì bị cáo đổi cho A M là em rể của bị cáo lấy chiếc điện thoại của A M dùng, khi đổi bị cáo không nói cho A M biết điện thoại là do bị cáo trộm cắp mà có, đến ngày 06/03/2018 bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên bị cáo đến Cơ quan Công an huyện Kon Plông để đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan A M trình bày: Tôi là em rể của A T, ngày 03/03/2018 A T đổi lấy điện thoại của tôi dùng, còn tôi lấy điện thoại của A T dùng. Sau khi biết chiếc điện thoại A T đổi cho tôi do A T trộm cắp mà có, tôi đã giao nộp cho Cơ quan Công an. Tôi không có yêu cầu gì, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Xuất phát từ lợi ích cá nhân, nên khoảng 7 giờ ngày 28/02/2018 bị cáo A T đã lợi dụng sơ hở trong việc quản lý tài sản, thực hiện hành vi lén lút, bí mật chiếm đoạt chiếc điện thoai hiệu Sam Sung Galaxy A5 có giá trị 3.995.000 đồng (Ba triệu chín trăm chín mươi lăm nghìn đồng) của anh Lê Viết T. Như vậy, có đủ

cơ sở xác định hành vi trên đây của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự, như Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự, an ninh chính trị tại địa phương.

[3]. Hội đồng xét xử xét thấy: Trong quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nên ra đầu thú tại Cơ quan Công an, bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tài sản đã được trao trả lại cho người bị hại, người bị hại có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần chấp nhận lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kon Plông về việc cho bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 làm căn cứ quyết định mức hình phạt đối với bị cáo. Vì vậy, cần áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo mức án dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là tương xứng với tính chất và mức độ và hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra.

[4]. Về hình phạt bổ sung: Xét các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế khó khăn, do đó Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[5]. Về vật chứng của vụ án: Trong quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông đã xác định tài sản thuộc quyền sở hữu hợp pháp và trao trả lại cho anh Lê Viết T là đúng quy định của pháp luật.

[6]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]. Đối với hành vi của A M đã đổi chiếc điện thoại của mình cho A T nhưng A M không biết chiếc điện thoại do bị cáo trộm cắp mà có, sau khi biết việc A T chiếm đoạt chiếc điện thoại của anh Lê Viết T nên đã chủ động giao nộp cho Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Kon Plông, vì vậy không có đủ cơ sở để truy cứu trách nhiệm hình sự đối với A M về tội "Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có".

[8]. Về án phí: Bị cáo A T phải nộp tiền án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo A T phạm tội "Trộm cắp tài sản"

Áp dụng: Khoản 1 Điều 173; các điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 54 của Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo A T 106 (Một trăm lẻ sáu) ngày tù, thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 06/03/2018.

Áp dụng khoản 5 Điều 328 của Bộ luật tố tụng hình sự tuyên bố trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo A T đang bị tạm giam, nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về án phí:

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; khoản 1 Điều 3, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo A T phải nộp 200.000 (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm để nộp vào Ngân sách Nhà nước.

Căn cứ các Điều 331, 333 của Bộ luật tố tụng hình sự; bị cáo, người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với người bị hại, người đại diện hợp pháp của người bị hại vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

"Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKS huyện Kon Plông;
- Công an huyện huyện Kon Plông;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hải

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

1. A Hoàn

2. Lê Xuân Niên

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hải

Nơi nhận:
- TAND cấp cao, tại TP Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Kon Tum;
- VKS huyện Kon Plông;
- Công an huyện huyện Kon Plông;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Người đại diện hợp pháp của người bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thanh Hải